

Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài và hoạt động xuất nhập khẩu đến tăng trưởng kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh

Đỗ Thị Hà Thương, Bùi Như Bình, Lưu Thanh Vân

Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận: 14/08/2025

Ngày nhận bản sửa: 30/10/2025

Ngày duyệt đăng: 11/11/2025

Tóm tắt: Mối quan hệ giữa vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, xuất nhập khẩu và tăng trưởng kinh tế là một chủ đề luôn được quan tâm bởi các nhà kinh tế học và hoạch định chính sách. Tuy nhiên, có khá ít nghiên cứu tập trung vào phạm vi một tỉnh, thành phố cụ thể, điều này khiến cho việc đánh giá tác động ở cấp độ địa phương trở nên khó khăn. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, hồi quy theo mô hình tự phân phối trễ hồi quy (ARDL) để kiểm định tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và xuất nhập khẩu (EX-IM) tới tăng trưởng kinh tế (GRDP) của thành phố Hồ Chí Minh với bộ dữ liệu chuỗi thời gian trong giai đoạn 2010- 2025, được thu thập từ các báo cáo của Ủy ban Nhân dân; Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh; Tổng cục Hải quan và

The impact of foreign direct investment and export-import activities on the economic growth of Ho Chi Minh city

Abstract: The relationship between foreign direct investment, export-import, and economic growth has consistently captured the interest of economists and policymakers. Notably, there is a scarcity of research focused on a specific provincial or city level, making it challenging to assess their impact at the local scale. This study employs a quantitative research methodology, utilizing a Autoregressive Distributed Lag model (ARDL), to examine the impact of foreign direct investment (FDI) and export-import activities (EX-IM) on the economic growth (GRDP) of Ho Chi Minh city. The research data consists of quarterly time-series data from the period 2010- 2025, collected from periodic reports provided by the People's Committee; the Department of Statistics of Ho Chi Minh City; General Department of Vietnam Customs and the Electronic Information Portal of the Ministry of Planning and Investment. The results present that both FDI and export-import have a positive effect on the city's economic growth. Based on these results, the study proposes several recommendations, including diversifying and enhancing export value, selectively importing advanced technologies, improving the quality of FDI attraction, and maintaining macroeconomic stability to foster the city's economic growth in the coming period.

Keywords: FDI, Export-import, Economic growth, Ho Chi Minh city, ARDL

Doi: 10.59276/JELB.2025.11.3046

Do Thi Ha Thuong¹, Bui Nhu Binh², Luu Thanh Van³

Email: thuongdth@hub.edu.vn¹, 050610220830@st.buh.edu.vn², luuthanhvan2004@gmail.com³

Organization of all: Ho Chi Minh University of Banking, Viet Nam

Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Kết quả cho thấy FDI và hoạt động xuất khẩu đều có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đưa ra khuyến nghị cần đa dạng hóa và nâng cao giá trị xuất khẩu, nhập khẩu chọn lọc công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng thu hút FDI, đồng thời duy trì ổn định vĩ mô để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của thành phố trong thời gian tới.

Từ khóa: FDI, Xuất nhập khẩu, Tăng trưởng kinh tế, Thành phố Hồ Chí Minh, ARDL

1. Giới thiệu

Thành phố Hồ Chí Minh, một trong những trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước đồng thời đóng vai trò trọng yếu trong việc thu hút và phân bổ dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Nhờ chính sách mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, tính đến hết tháng 7/2025, thành phố đã thu hút được gần 6,2 tỷ USD vốn FDI, tăng 45,67% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó có 1.073 dự án FDI được cấp mới với tổng vốn gần 1,3 tỷ USD, còn lại là các dự án tăng vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của doanh nghiệp trong nước (Lê Quân, 2025). Bên cạnh đó, thành phố Hồ Chí Minh còn khẳng định vai trò cửa ngõ xuất nhập khẩu khi ghi nhận giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu sơ bộ vào quý I năm 2025 đạt 11,77 tỷ USD đối với xuất khẩu và 12,54 tỷ USD đối với nhập khẩu, chiếm tỷ trọng lớn nhất cả nước (Tổng cục Hải quan, 2025).

Nghiên cứu thực nghiệm về mối liên hệ nhân quả giữa hoạt động kinh tế đối ngoại và tăng trưởng kinh tế là một chủ đề quan trọng trong các tài liệu về thương mại và phát triển. FDI và hoạt động xuất nhập khẩu thuộc lĩnh vực quan hệ kinh tế đối ngoại. Những hoạt động này có thể tác động đến nền kinh tế theo nhiều chiều hướng khác nhau, bao gồm cả tích cực và tiêu cực. Ở bối cảnh quốc tế, không ít nghiên cứu đã chỉ ra mối liên kết dài hạn giữa tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và hoạt động xuất

khẩu. Cụ thể, Islam (2021) nhấn mạnh rằng việc gia tăng xuất khẩu sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua việc khai thác lợi thế kinh tế. Magar (2021) cho rằng cả xuất và nhập khẩu đều thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhưng xuất khẩu lại gây tác động bất lợi hơn so với nhập khẩu. Mogoe và Mongale (2014) kết luận rằng tỷ lệ lạm phát, xuất khẩu và tỷ giá hối đoái tác động tích cực đến GDP, trong khi nhập khẩu tác động tiêu cực. Ngược lại, Nguyễn Phúc Hiền và Lê Thùy Linh (2021) cho thấy FDI không có ý nghĩa đến tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, với bối cảnh tại Việt Nam, có rất ít các nghiên cứu đồng thời xem xét tác động của cả ba yếu tố FDI, xuất khẩu và nhập khẩu tới tăng trưởng kinh tế của một tỉnh, thành phố cụ thể, đặc biệt với phạm vi nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh.

Xuất phát từ khoảng trống đó, nghiên cứu này đặt mục tiêu làm rõ mối quan hệ nhân quả giữa các yếu tố này thông qua việc trả lời hai câu hỏi nghiên cứu: (1) FDI có mối quan hệ với tăng trưởng kinh tế thành phố Hồ Chí Minh hay không?; (2) Hoạt động xuất nhập khẩu có mối quan hệ với tăng trưởng kinh tế thành phố Hồ Chí Minh hay không? Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng phân tích hồi quy theo mô hình ARDL trên phần mềm Eviews 10 với dữ liệu nghiên cứu theo quý trong giai đoạn 2010- 2025. Kết quả nghiên cứu cho thấy FDI và xuất khẩu tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế thành phố Hồ

Chí Minh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các khuyến nghị chính sách nhằm đa dạng hóa xuất khẩu, lựa chọn nhập khẩu công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng thu hút FDI và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô cho tăng trưởng bền vững của TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài phần giới thiệu, bài nghiên cứu gồm: (ii) Cơ sở lý thuyết, tổng quan nghiên cứu và giả thuyết kỳ vọng; (iii) Dữ liệu, mô hình và phương pháp nghiên cứu; (iv) Kết quả nghiên cứu và thảo luận; và (v) Kết luận.

2. Cơ sở lý thuyết, tổng quan nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và tăng trưởng kinh tế

Về mặt lý thuyết, tác động của FDI lên tăng trưởng có sự khác biệt giữa mô hình tăng trưởng tân cổ điển và hiện đại, điểm khác nhau chính nằm ở mức độ tiên bộ công nghệ. Cụ thể, theo trường phái tân cổ điển, FDI được coi là yếu tố thúc đẩy tăng trưởng thông qua các hiệu ứng ngoại tác và lan tỏa, và là nhân tố ngoại sinh quan trọng cho tăng trưởng bền vững dài hạn (Solow, 1956; Lucas Jr, 1988; Romer, 1986; Grossman & Helpman, 1991; Easterly và cộng sự, 1994; Herzer và cộng sự, 2008). Ngoài việc bổ sung vốn, FDI còn chuyển giao công nghệ, tạo việc làm và phát triển vốn nhân lực nội địa và đặc biệt quan trọng đối với các nền kinh tế nhỏ, có nguồn lực sản xuất hạn chế (Todaro & Smith, 2006). Trong khi đó, lý thuyết tăng trưởng nội sinh do Lucas Jr (1988) và Romer (1994) nhấn mạnh tác động của FDI đến tăng trưởng xuất phát từ bốn cơ chế chính: (i) nguồn vốn bổ sung và hỗ trợ đầu tư trong nước; (ii) cán cân ngoại hối và năng lực xuất khẩu; (iii) tăng thu ngân sách thông qua thuế của

doanh nghiệp FDI và (iv) vốn con người đến từ năng suất, tri thức và kỹ năng lao động. Các nghiên cứu của (Findlay, 1978; Grossman & Helpman, 1991; Mazumdar, 2001; Pistroresi & Rinaldi, 2012; Shahbaz & Rahman, 2012; Fan & Nie, 2013) đều cho thấy FDI đóng vai trò là kênh lan tỏa công nghệ và cải thiện năng suất ở nền kinh tế tiếp nhận.

Hoạt động xuất nhập khẩu và tăng trưởng kinh tế

Mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế bắt nguồn từ các nhà sáng lập của lý thuyết cổ điển. Học thuyết thương mại cổ điển về lợi thế tuyệt đối của Smith (1776) lập luận rằng “không thể có chuyện tất cả các quốc gia đồng thời trở nên giàu có bằng cách theo đuổi chủ nghĩa trọng thương, bởi lẽ xuất khẩu của một quốc gia là nhập khẩu của quốc gia khác; thay vào đó, tất cả các quốc gia sẽ đồng thời thu được lợi ích nếu họ thực hành thương mại tự do và chuyên môn hóa theo lợi thế tuyệt đối”. Ngược lại, trong lý thuyết lợi thế so sánh, Ricardo (1817), chỉ ra rằng nếu một quốc gia mở cửa thì có thể tái định hướng các nguồn lực khan hiếm vào những ngành hiệu quả hơn, từ đó cải thiện phúc lợi. Nói cách khác, thương mại là một tình huống “cùng thắng”, vì người lao động ở tất cả các quốc gia tham gia thương mại đều có thể tiêu dùng nhiều hàng hóa hơn. Bên cạnh đó, định lý Heckscher-Ohlin lại nhấn mạnh vai trò của sự khác biệt về yếu tố nguồn lực giữa các quốc gia, cho rằng lợi thế so sánh của một quốc gia được định hình bởi các nguồn lực sẵn có (Leamer, 1995).

Ngoài ra, giả thuyết tăng trưởng dựa vào xuất khẩu cho rằng tăng trưởng GDP chủ yếu được thúc đẩy bởi xuất khẩu. Việc mở rộng xuất khẩu cho phép các doanh nghiệp hoặc ngành sản xuất định hướng xuất khẩu tiếp cận thị trường quốc tế, tận

dụng lợi thế kinh tế theo quy mô, và thu được ngoại hối. Tiếp cận thị trường quốc tế làm gia tăng nhu cầu đối với hàng hóa sản xuất trong nước, từ đó thúc đẩy sản xuất nội địa và tăng trưởng kinh tế. Trong thập niên 1960, giả thuyết này đã nhận được sự quan tâm đáng kể, đặc biệt là sau sự tăng trưởng nhanh chóng ở các nền kinh tế của các quốc gia Đông Á (Albiman & Suleiman, 2016). Theo đó sự thịnh vượng kinh tế ở các quốc gia này bị ảnh hưởng bởi chính sách hướng ngoại. Bên cạnh đó, theo Helpman và Krugman (1987), hoạt động xuất khẩu mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp, bao gồm: việc sử dụng nguồn lực hiệu quả, tăng cường công suất sản xuất, khai thác lợi thế quy mô, và thúc đẩy đổi mới công nghệ để cạnh tranh tốt hơn trên thị trường quốc tế. Ngoài ra, xuất khẩu sẽ góp phần giảm áp lực về cán cân thanh toán ngoại hối (Ghirmay và cộng sự, 2001).

Mặt khác, một số nhà phân tích cho rằng có sự tồn tại quan hệ nhân quả từ nhập khẩu đến tăng trưởng kinh tế và định nghĩa đây là giả thuyết tăng trưởng dẫn dắt bởi nhập khẩu. Theo đó, nhập khẩu có thể là một kênh dẫn đến tăng trưởng dài hạn, vì nó cung cấp cho các doanh nghiệp trong nước khả năng tiếp cận công nghệ nước ngoài và các yếu tố đầu vào trung gian cần thiết (Coe và cộng sự, 2009). Hơn nữa, nhập khẩu còn có thể là phương tiện để chuyển giao tri thức và công nghệ từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển, thông qua việc tiếp nhận các kết quả nghiên cứu và phát triển (R&D) từ nước ngoài (Lawrence và cộng sự, 1999).

2.2. Tổng quan nghiên cứu

Đối với bối cảnh quốc tế, nghiên cứu của Rashid và cộng sự (2023) áp dụng mô hình ARDL và ECM với dữ liệu chuỗi thời gian từ 1991 đến 2020 của Ấn Độ, kết luận rằng

tồn tại mối quan hệ dài hạn giữa FDI, xuất khẩu, nhập khẩu, lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Tương tự, Touray (2025) cũng xem xét quan hệ nhân quả giữa các biến kể trên với phạm vi nghiên cứu tại Gambia và áp dụng mô hình VECM kết hợp với kiểm định nhân quả Granger để phân tích. Kết quả cho thấy FDI tác động tích cực đến GDP, trong khi lạm phát tác động tiêu cực đến ba yếu tố còn lại. Sử dụng phương pháp hồi quy OLS để phân tích mối quan hệ giữa GDP của Nepal với FDI, lạm phát, xuất khẩu và nhập khẩu trong giai đoạn 1970 đến 2020, Budha (2025) nhận định rằng nhập khẩu, FDI có quan hệ cùng chiều với GDP, ngược lại, xuất khẩu thể hiện mối quan hệ ngược chiều.

Đối với phạm vi tại Việt Nam, hầu hết các nghiên cứu tập trung phân tích tác động của FDI và hoạt động xuất nhập khẩu đối với nền kinh tế tổng thể. Theo nghiên cứu của Nguyen (2017), trong dài hạn, FDI có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, trong khi tác động của xuất khẩu là tiêu cực được kiểm định thông qua mô hình ARDL trong giai đoạn 1986- 2015. Ngược lại, Nguyen (2016) xác nhận có mối quan hệ tích cực giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế Việt Nam dựa trên bộ dữ liệu của trong giai đoạn 1990- 2015. Mặt khác, với phạm vi nghiên cứu hẹp hơn tại một tỉnh thành, các nghiên cứu của Trương Thị Như Hà và Nguyễn Thị Thu Trang (2024) tại Hải Phòng với bộ dữ liệu thứ cấp trong giai đoạn từ 2010- 2022; Nguyễn Xuân Hưng và cộng sự (2020) với dữ liệu chuỗi thời gian từ 2009- 2019 tại Bắc Ninh đều chỉ ra rằng FDI có tác động lên tăng trưởng kinh tế trên địa bàn. Theo nghiên cứu của Nguyễn Hồng Hà (2016) tại tỉnh Trà Vinh và Phạm Thị Loan và cộng sự (2023) tại tỉnh Hưng Yên cho thấy có mối quan hệ nhân quả hai chiều giữa tăng trưởng kinh

tế và FDI.

Do vậy, có thể thấy phần lớn các nghiên cứu trên chỉ tập trung đánh giá mối quan hệ giữa FDI và GRDP thay vì xem xét đồng thời ba yếu tố FDI, hoạt động xuất nhập khẩu và tăng trưởng. Đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, xem xét đồng thời các mối quan hệ giữa các yếu tố kể trên là vô cùng quan trọng bởi FDI không chỉ trực tiếp thúc đẩy tăng trưởng mà còn thông qua kênh xuất nhập khẩu, trong khi đó, việc mở rộng hoạt động thương mại lại tạo động lực thu hút thêm vốn FDI và củng cố tăng trưởng. Ngoài ra, việc phân tích đồng thời giúp tránh bỏ sót những biến quan trọng, phản ánh chính xác cơ chế truyền dẫn và cung cấp thêm cơ sở khoa học thực nghiệm cho các nhà hoạch định chính sách ra quyết định quản lý.

2.3. Giả thuyết nghiên cứu

Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào thành phố Hồ Chí Minh (FDI)

Các nghiên cứu trước đây cho thấy tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế có kết quả khác nhau tùy theo bối cảnh quốc gia và giai đoạn phát triển. Findlay (1978), Herzer và Klasen (2008) chỉ ra rằng FDI góp phần thúc đẩy tiến bộ công nghệ và tăng trưởng tại các nền kinh tế đang phát triển. Ngược lại, Carkovic và Levine (2005) không tìm thấy bằng chứng thống nhất về mối quan hệ này khi kiểm soát các yếu tố thể chế và chính sách vĩ mô. Trong bối cảnh các thành phố lớn, nơi hội tụ vốn nhân lực và hạ tầng, FDI thường được xem là động lực chính của tăng trưởng. Kế thừa những phát hiện trên, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu như sau:

Giả thuyết H₁: Đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh tế thành phố Hồ Chí Minh có mối quan hệ với nhau.

Kim ngạch xuất khẩu thành phố Hồ Chí Minh (EX)

Giả thuyết tăng trưởng dựa vào xuất khẩu đã được kiểm định rộng rãi nhưng kết quả vẫn chưa đồng nhất. Ngân hàng Thế giới (1987), Albiman và Suleiman (2016) ủng hộ quan điểm rằng định hướng xuất khẩu là động lực then chốt cho tăng trưởng ở các nền kinh tế đang phát triển, đặc biệt là Đông Á. Tuy nhiên, Jin (2002), Shan và Sun (1998) lại cho rằng mối quan hệ nhân quả có thể đảo ngược, tức tăng trưởng thúc đẩy xuất khẩu. Do đó, để kiểm chứng trong bối cảnh đặc thù của một đô thị lớn định hướng thương mại, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu như sau:

Giả thuyết H₂: Xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh có mối quan hệ với nhau.

Kim ngạch nhập khẩu thành phố Hồ Chí Minh (IM)

Các bằng chứng thực nghiệm cho thấy tác động của nhập khẩu đến tăng trưởng có sự khác biệt. Fan và Nie (2013) khẳng định nhập khẩu công nghệ và hàng hóa trung gian có thể nâng cao năng suất, gián tiếp thúc đẩy tăng trưởng. Ngược lại, một số nghiên cứu cảnh báo rằng nhập khẩu quá mức có thể gây áp lực lên cán cân thương mại và làm gia tăng phụ thuộc vào nước ngoài Pistoiresi và Rinaldi (2012), Mazumdar (2001). Để kiểm định vai trò của nhập khẩu trong bối cảnh một nền kinh tế đô thị có độ mở cao, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu như sau:

Giả thuyết H₃: Nhập khẩu và tăng trưởng kinh tế thành phố Hồ Chí Minh có mối quan hệ với nhau.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu định lượng dưới dạng chuỗi thời gian từ quý I năm 2010 đến quý II năm 2025, được nhóm tác giả thu thập từ các báo cáo tình hình kinh tế xã hội định kỳ do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh cung cấp; giá trị xuất nhập khẩu được thu thập từ Tổng cục Hải quan và đầu tư trực tiếp nước ngoài được thu thập Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Sau khi hoàn thành việc thu thập dữ liệu, nhóm tác giả sử dụng phần mềm Eviews 10 để xử lý và phân tích dữ liệu.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Thông qua quá trình thống kê, xác định khung lý thuyết và các nghiên cứu thực nghiệm, dựa trên nghiên cứu trước của Nguyen (2017), Baffour và Yeboah (2023), mô hình nghiên cứu gốc được đề xuất như sau:

$$\ln(\text{GRDP}) = f(\text{FDI}, \text{EX}, \text{IM}, \text{INF}, \text{Covid}) \quad (1)$$

Trong đó: e_t là Sai số ngẫu nhiên; t là biến thời gian, từ quý I 2010 đến quý II 2025; p, q_i là độ trễ thích hợp cho từng biến.

Cụ thể các biến trong mô hình (1) được giải thích như sau:

- Biến phụ thuộc GRDP: Đại diện cho tốc độ tăng trưởng của thành phố Hồ Chí Minh

- Biến giải thích: FDI là tổng vốn đầu tư nước ngoài vào thành phố Hồ Chí Minh; EX và IM lần lượt là tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của thành phố Hồ Chí Minh.

- Biến kiểm soát: INF phản ánh lạm phát, được đo lường bằng tốc độ tăng của chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tại Việt Nam; Covid đại diện cho tác động của đại dịch Covid 19 được mã hóa với hai giá trị là 1 và 0. Với 1 là các biến trong mô hình bị ảnh hưởng và 0 là các biến không bị ảnh hưởng. Việc sử dụng hai biến này giúp làm rõ tác động ngắn hạn của các cú sốc bên ngoài và các yếu tố chi phí, đồng thời đảm bảo độ tin cậy cho ước lượng mối quan hệ dài hạn.

3.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng bằng cách sử dụng mô hình phân phối trễ tự hồi quy (ARDL) dựa trên kiểu dữ liệu chuỗi thời gian để phân tích và đánh giá tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), hoạt động xuất nhập khẩu lên tăng trưởng kinh tế thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2010- 2025. Các bước thực hiện kiểm định và xây dựng mô hình ARDL trong nghiên cứu này được tiến hành như sau:

Bảng 1. Mô tả các biến trong mô hình

Ý nghĩa	Ký hiệu	Tham chiếu	Đo lường	Nguồn dữ liệu
Tăng trưởng kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Ln(GRDP)	Nguyen (2017)	Logarit tổng sản phẩm quốc nội	Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh
Đầu tư nước ngoài vào thành phố Hồ Chí Minh	Ln(FDI)	Nguyen (2017)	Logarit vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Kim ngạch xuất khẩu thành phố Hồ Chí Minh	Ln(EX)	Nguyen (2017)	Logarit tổng kim ngạch xuất khẩu	Tổng cục Hải quan
Kim ngạch nhập khẩu thành phố Hồ Chí Minh	Ln(IM)	Nguyen (2017)	Logarit tổng kim ngạch nhập khẩu	Tổng cục Hải quan
Lạm phát	INF	Baffour và Yeboah (2023)	(CPI _t – CPI _{t-1}) / CPI _{t-1}	Tổng cục thống kê
Tác động của đại dịch Covid 19	Covid	Baffour và Yeboah (2023)	Biến giả Có hai giá trị 0 và 1	

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài và hoạt động xuất nhập khẩu

đến tăng trưởng kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 2. Kết quả mô tả thống kê

Biến	GRDP	FDI	EX	IM
Trung bình	279.993,3	22.302,13	211.725,9	249.772,5
Trung vị	281.071,5	17.009,84	201.436,2	246.956,2
Lớn nhất	536.809,1	92.993,70	527.710,3	668.003,6
Nhỏ nhất	79.670,46	1.037,523	93.827,22	84.064,54
Độ lệch chuẩn	113.309,9	16.972,66	706.84,45	109.646,8
Số quan sát	62	62	62	62

Đơn vị: Tỷ đồng

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu từ phần mềm Eviews 10

Đầu tiên, cần kiểm tra tính dừng của chuỗi dữ liệu để đảm bảo tính chuỗi dừng ở bậc gốc – $I(0)$ hoặc sai phân bậc một – $I(1)$. Thứ hai, tiến hành ước lượng mô hình ARDL để xác định độ trễ tối ưu dựa trên tiêu chuẩn AIC. Thứ ba, thực hiện kiểm định đường bao (Bounds test) nhằm xác định xem có tồn tại mối quan hệ dài hạn giữa các biến trong mô hình hay không. Nếu mô hình có tính đồng liên kết, sử dụng mô hình mô hình hiệu chỉnh sai số (ECM) để đánh giá tác động riêng biệt trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng, tiến hành kiểm định tự tương quan, phương sai sai số thay đổi và ổn định của ước lượng, đảm bảo kết quả ước lượng là đáng tin cậy.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thống kê mô tả

Bảng 2 cho thấy GRDP của thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn từ quý I năm 2010 đến quý II năm 2025 gồm 62 quan sát có giá trị trung bình là 279.993,3 tỷ đồng, trung vị là 281.071,5 tỷ đồng với độ lệch chuẩn là 113.309,9 cho thấy GRDP có sự phân tán cao qua các giai đoạn. Trong đó, giá trị lớn nhất là 536.809,1 tỷ đồng và giá trị thấp nhất là 79.670,46 tỷ đồng.

4.2. Kết quả kiểm định và phân tích hồi quy

Để đảm bảo chuỗi thời gian của các biến đầu vào là một chuỗi dừng, nhóm tác giả tiến hành kiểm định tính dừng bằng kiểm định nghiệm đơn vị. Nếu chuỗi dữ liệu chưa dừng, tiếp tục lấy sai phân và xem xét tính dừng cho chuỗi sai phân, việc lấy sai phân kết thúc khi chuỗi dừng.

Bảng 3 cho thấy chỉ có biến FDI dừng ở bậc gốc, còn các biến còn lại đều không dừng với mức ý nghĩa 5%. Vì vậy, tiếp tục lấy sai phân bậc một cho các biến của chuỗi gốc, kết quả cho thấy chuỗi sai phân bậc một của cả 4 biến đều dừng với mức ý nghĩa 5%. Từ kết quả kiểm định ADF có thể xác định rằng chuỗi dữ liệu đều dừng ở $I(0)$ và $I(1)$, thỏa mãn điều kiện của phương pháp, từ đó ta có phương trình ước lượng theo ARDL có dạng như sau:

$$\Delta \ln(\text{GRDP}) = \alpha_0 + \sum_{i=0}^p \beta_{1i} * \Delta \ln(\text{GRDP})_{t-i} + \sum_{i=0}^{q_1} \beta_{2i} * \ln(\text{FDI})_{t-i} + \sum_{i=1}^{q_2} \beta_{3i} * \Delta \ln(\text{EX})_{t-i} + \sum_{i=0}^{q_4} \beta_{4i} * \Delta \ln(\text{IM})_{t-i} + \sum_{i=0}^{q_5} \beta_{5i} * \Delta \ln(\text{INF})_{t-i} + \sum_{i=0}^{q_6} \beta_{6i} * \text{Covid}_{t-i} + e_t \quad (2)$$

Tiếp tục tiến hành kiểm định tính đồng tích hợp cho mô hình nghiên cứu, kết quả ở Bảng 4 cho thấy giá trị thống kê F là 19,22 lớn hơn ngưỡng giới hạn trên tại cả ba mức ý nghĩa là 10%, 5% và 1%, từ đó bác bỏ giả

Bảng 3. Kết quả kiểm định tính dừng

	Biến	P-value	Kết Luận
Chuỗi gốc	LGRDP	0,312	Không dừng
	LFDI	0,037	Dừng
	LEX	0,381	Không dừng
	LIM	0,365	Không dừng
	INF	0,392	Không dừng
Sai phân bậc 1	D(LGRDP)	0,000	Dừng
	D(LEX)	0,000	Dừng
	D(LIM)	0,000	Dừng
	D(INF)	0,000	Dừng

Trong đó:

L là ký hiệu đại diện cho chuỗi dữ liệu được lấy logarit tự nhiên

D là ký hiệu đại diện cho chuỗi được lấy sai phân bậc 1

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu từ phần mềm Eviews 10

thuyết H_0 . Điều này khẳng định có tồn tại mối quan hệ dài hạn giữa FDI, EX, IM và tăng trưởng kinh tế.

Tiến hành ước lượng mô hình dài hạn, dựa theo tiêu chí AIC độ trễ tối ưu được đề xuất cho mô hình là ARDL (3, 0, 2, 0, 5, 2) và kết quả ước tính các hệ số được trình bày trong Bảng 5.

Bảng 5 cho thấy hệ số của các biến LFDI và D(LEX) đều có ý nghĩa ở mức 5%. Kết quả ước lượng cho thấy cả đầu tư trực tiếp nước ngoài và xuất khẩu đều có tác động

Bảng 4. Kết quả kiểm định đồng liên kết

Giả thuyết H_0 : Không tồn tại mối quan hệ đồng liên kết		
	Giá trị	Số biến (K)
Thống kê F	19,22	5
Giá trị đường bao		
Mức ý nghĩa	I(0)	I(1)
10%	2,08	3
5%	2,39	3,38
1%	3,06	4,15

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu từ phần mềm Eviews 10

dương lên tăng trưởng kinh tế, cụ thể khi FDI và EX tăng 1% sẽ làm GRDP tăng lần lượt là 0,0235% và 0,375%. Điều này hàm ý rằng việc mở rộng xuất khẩu cùng với thu hút vốn FDI có vai trò thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong khi đó, hệ số của nhập khẩu mang dấu âm nhưng không có ý nghĩa thống kê, do đó chưa có đủ cơ sở để nhận định rằng nhập khẩu có xu hướng kìm hãm tốc độ tăng trưởng trong giai đoạn nghiên cứu. Đối với nhóm biến kiểm soát, có thể nhận thấy rằng cả lạm phát và biến giả Covid đều có tác động âm. Tuy nhiên, chỉ hệ số của INF có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, trong khi hệ số của Covid mặc dù âm nhưng không đạt mức ý nghĩa, cho thấy trong dài hạn chỉ có lạm phát mới thực sự thể hiện tác động kìm hãm tăng trưởng và chưa có

Bảng 5. Kết quả hồi quy ARDL dài hạn

Biến phụ thuộc: D(LGRDP)			
Biến độc lập	Hệ số	Giá trị thống kê t	Giá trị p-value
LFDI	0,0235	2,462	0,018
D(LEX)	0,375	2,743	0,009
D(LIM)	-0,067	-0,748	0,459
D(INF)	-5,116	-3,968	0,000
Covid	-0,021	-1,246	0,220
C	-0,216	-2,266	0,029

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu từ phần mềm Eviews 10

Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài và hoạt động xuất nhập khẩu

đến tăng trưởng kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 6. Kết quả mô hình ECM trong ngắn hạn

Biến phụ thuộc: $\Delta LGRDP$			
Biến độc lập	Hệ số	Giá trị thống kê t	Giá trị p-value
$\Delta LGRDP_{t-1}$	0,854	5,004	0,000
$\Delta LGRDP_{t-2}$	0,399	4,935	0,000
ΔLEX_t	0,448	6,236	0,000
ΔLEX_{t-1}	-0,239	-2,929	0,006
ΔINF_t	-5,879	-5,661	0,000
ΔINF_{t-1}	6,151	6,376	0,000
ΔINF_{t-2}	5,544	5,756	0,000
ΔINF_{t-3}	5,229	6,059	0,000
ΔINF_{t-4}	2,564	2,803	0,008
$\Delta Covid_t$	-0,141	-1,739	0,090
$\Delta Covid_{t-1}$	-0,158	-1,947	0,058
EC(-1)	-2,683	-12,481	0,000
Hệ số R^2	0,962		
Hệ số R^2 hiệu chỉnh	0,952		
Thống kê F	19,22		
Durbin-Watson	2,136		

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu từ phần mềm Eviews 10

đủ bằng chứng để khẳng định ảnh hưởng của đại dịch.

Nhằm đánh giá mối quan hệ ngắn hạn giữa tăng trưởng kinh tế và các biến độc lập, đồng thời kiểm định tính vững của các hệ số trong dài hạn, tiến hành ước lượng và chuẩn hóa các hệ số dài hạn của phương trình ARDL sang dạng ECM. Kết quả chi tiết của mô hình ECM được trình bày trong Bảng 6.

Kết quả ước lượng ECM cho thấy biến điều chỉnh sai số – EC(-1) có dấu âm và có ý nghĩa ở mức 1% với giá trị là -2,683, điều này thể hiện rằng nền kinh tế có khả năng tự điều chỉnh về trạng thái cân bằng dài hạn một cách nhanh chóng và mạnh mẽ. Trong ngắn hạn, có thể thấy các biến trễ của LGRDP và LEX đều có ảnh hưởng tích cực lên tăng trưởng và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, cho thấy tăng trưởng kinh tế chịu tác động tích cực từ chính nó trong

quá khứ và xuất khẩu.

Đối với nhóm biến kiểm soát, lạm phát mang hệ số âm mạnh trong kỳ hiện tại, chứng tỏ gia tăng lạm phát kìm hãm tăng trưởng, nhưng ở các kỳ trễ lại xuất hiện tác động dương, hàm ý khả năng nền kinh tế thích ứng và mở rộng sản xuất sau các cú sốc giá cả. Trong khi biến Covid thể hiện rõ tác động tiêu cực nhất định đến tăng trưởng trong ngắn hạn ở ý nghĩa ở mức 10%.

Để đảm bảo tính minh bạch và độ tin cậy cho mô hình, tiến hành thực hiện các phép thử chẩn đoán khác nhau, kết quả kiểm định được trình bày trong Bảng 7.

Dựa vào Bảng 7, có thể thấy mô hình không gặp phải các vấn đề kỹ thuật về tự tương quan giữa các sai số, lựa chọn sai dạng hàm và hiện tượng phương sai thay đổi. Tất cả các giá trị p-value đều lớn hơn 0,05, vì vậy có thể khẳng định mô hình nghiên cứu

Bảng 7. Kết quả kiểm định mô hình

Kiểm định	Giá trị thống kê F	Giá trị p-value	Kết luận
Ramsey Reset	0,189	0,828	Mô hình được chỉ định là phù hợp
Breusch-Godfrey Serial Correlation LM	1,124	0,336	Mô hình không có tự tương quan
Heteroskedasticity Test: Breusch-Pagan-Godfrey	0,584	0,882	Mô hình không có phương sai sai số thay đổi

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu từ phần mềm Eviews 10

được xây dựng là phù hợp và các kết quả ước lượng là đáng tin cậy.

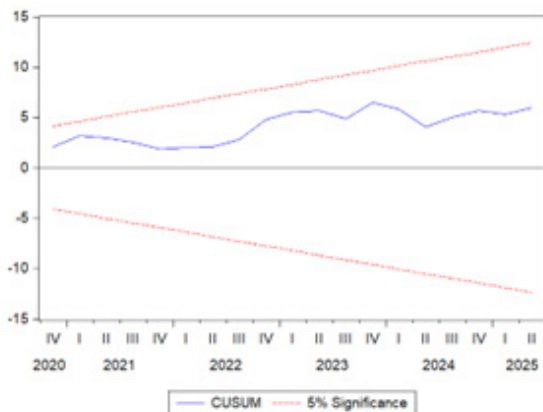
Cuối cùng, để kiểm tra tính ổn định theo thời gian của ước lượng, nghiên cứu áp dụng kiểm định I CUSUM và CUSUMSQ. Kiểm định CUSUM dựa trên sự tích lũy sai số ước lượng qua các kỳ, còn CUSUMSQ dựa trên tích lũy bình phương của sai số. Mô hình được cho là ổn định nếu các đường kiểm định này nằm trong khoảng tin cậy. Hình 1 và Hình 2 cho thấy các đường kiểm định luôn nằm trong khoảng tin cậy ở mức ý nghĩa 5%. Điều này có nghĩa là các tham số ước lượng của mô hình không có sự thay đổi đáng kể và không bị ảnh hưởng bởi các cú sốc ngẫu nhiên. Nói cách khác, mô hình nghiên cứu được xem là ổn định và các kết quả ước lượng có độ tin cậy cao.

4.3. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu này ứng dụng mô hình ARDL để đánh giá tác động của dòng vốn FDI và hoạt động xuất nhập khẩu lên tăng trưởng GRDP của thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2010- 2025. Kết quả ước lượng chỉ ra rằng FDI và xuất khẩu tác động tích cực đến tăng trưởng, trong khi nhóm biến kiểm soát có ảnh hưởng tiêu cực và nhập khẩu không có ý nghĩa thống kê. Cụ thể:

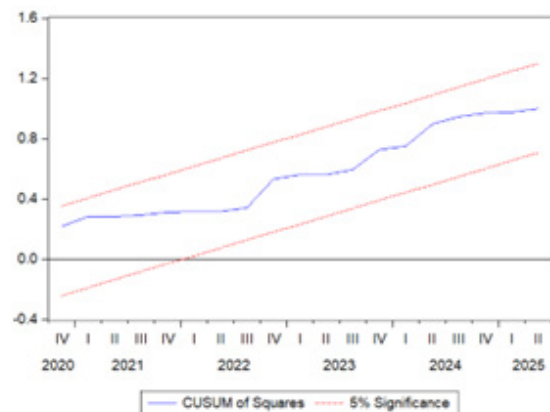
Biến đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):

Kết quả phân tích chứng minh rằng FDI có tác động tích cực trong dài hạn, tuy nhiên mức độ tác động khá nhỏ, hàm ý rằng dòng vốn FDI chưa thực sự lan tỏa mạnh mẽ và cần có các chính sách hỗ trợ để nâng cao hiệu quả đóng góp của FDI vào nền kinh tế. Qua đó, củng cố giả thuyết H_1 của nghiên cứu và kết quả cũng phù hợp với các nghiên cứu của Nguyen (2017) và Touray (2025).



Nguồn: Kết quả xử lý từ phần mềm Eviews 10

Hình 1. Kiểm định CUSUM



Nguồn: Kết quả xử lý từ phần mềm Eviews 10

Hình 2. Kiểm định CUSUMSQ

Biến xuất khẩu (EX):

Nghiên cứu cho thấy xuất khẩu có ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng kinh tế tại thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên trong ngắn hạn, EX có tác động tích cực đến tăng trưởng và tác động này đảo chiều tại kỳ trễ, qua đó, hàm ý rằng xuất khẩu vừa là động lực thúc đẩy kinh tế tức thời, vừa gây ra áp lực điều chỉnh trong các giai đoạn sau. Kết quả củng cố giả thuyết H_2 của nghiên cứu và phù hợp với các nghiên cứu thực nghiệm của Nguyen (2016) .

Biến nhập khẩu (IM):

Kết quả chỉ ra rằng nhập khẩu mang hệ số âm, dù không có ý nghĩa thống kê, nhưng cho thấy sự phù hợp về mặt lý thuyết lý thuyết tăng trưởng ràng buộc bởi cán cân thanh toán (Thirlwall, 2012) rằng nhập khẩu có thể kìm hãm tăng trưởng, nhưng trong nghiên cứu này chưa có đủ bằng chứng thực nghiệm để khẳng định điều này.

Ngoài ra, nhóm biến kiểm soát bao gồm lạm phát và biến giả đại diện cho đại dịch đều có ảnh hưởng tiêu cực lên tăng trưởng kinh tế. Cụ thể trong dài hạn, lạm phát thể hiện rõ tác động âm, còn trong ngắn hạn, INF không cho thấy chiều hướng cụ thể lên tăng trưởng. Trong khi đó, mức độ ảnh hưởng của đại dịch chủ yếu thể hiện rõ ở ngắn hạn và chưa có bằng chứng rõ ràng trong dài hạn.

5. Kết luận

5.1. Hàm ý chính sách

Kết quả nghiên cứu chỉ ra giữa các biến có tồn tại mối quan hệ đồng liên kết trong dài hạn và trong ngắn hạn, các tác động chưa ổn định nhưng vẫn có cơ chế điều chỉnh về trạng thái cân bằng. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất hàm ý chính sách sau:

Một là, đẩy mạnh phát triển và đa dạng hóa

xuất khẩu bằng cách đầu tư vào công nghệ và đổi mới sáng tạo để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, đồng thời, mở rộng thị trường nhằm giảm sự phụ thuộc vào các thị trường truyền thống.

Hai là, kết quả cho thấy nhập khẩu không có ý nghĩa thống kê đối với tăng trưởng GRDP của Thành phố, tuy nhiên, điều này không đồng nghĩa với việc nhập khẩu không quan trọng. Thay vào đó, cần có các chính sách nhập khẩu có chọn lọc như gia tăng tỷ trọng nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến phục vụ sản xuất. Nhờ vậy, hiệu quả sản xuất và năng suất sẽ được nâng cao trong dài hạn.

Ba là, do FDI có tác động tích cực đến tăng trưởng GRDP, thành phố cần nâng cao hiệu quả thu hút và sử dụng FDI bằng cách chuyển từ số lượng sang chất lượng, ưu tiên các dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường và có khả năng liên kết với doanh nghiệp trong nước. Cuối cùng, để đối phó với những rủi ro từ bên ngoài, việc thiết lập các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với cú sốc và duy trì kiểm soát lạm phát là cần thiết để đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và tạo động lực cho sản xuất, tiêu dùng.

5.2. Hạn chế nghiên cứu

Nghiên cứu đánh giá tác động của biến giải thích lên tăng trưởng kinh tế tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn có một vài hạn chế. Về dữ liệu nghiên cứu, bộ dữ liệu chỉ bao gồm 62 kỳ quan sát liên tiếp theo quý trong giai đoạn từ năm 2010 đến 2025 và trong bộ dữ liệu có một số giá trị được tính dựa trên xác suất do vấn đề thiếu thông tin trong quá trình thu thập. Về thời gian nghiên cứu chỉ tập trung nghiên cứu trong giai đoạn từ quý I/2010 đến quý II/2025. Về mô hình nghiên cứu chỉ xem xét các yếu tố phổ biến và hai biến vĩ mô là lạm

phát và đại dịch Covid, tuy nhiên trên thực tế có rất nhiều yếu tố khác có thể giải thích cho tăng trưởng kinh tế nhưng đã bị bỏ qua

vì thiếu dữ liệu hoặc nằm ngoài khả năng thu thập của nhóm tác giả. ■

Tài liệu tham khảo

- Albiman, M. Md., & Suleiman, N. N. (2016). The Relationship among Export, Import, Capital Formation and Economic Growth in Malaysia. *Journal of Global Economics*, 4(2), 1–6. <https://www.hilarispublisher.com/open-access/the-relationship-among-export-import-capital-formation-and-economic-growth-in-malaysia-2375-4389-1000186.pdf>
- Baffour, A. A., & Yeboah, E. (2023). The Dynamism Between, Import, Foreign Direct Investment Inflow, Inflation and Covid-19 on Economic Growth: Evidence from Ghana. *Business and Finance Journal*, 8(1), 105–127. <https://doi.org/10.33086/BFJ.V8I1.3540>
- Budha, R. (2025). Contributions of FDI, Import and Export in Economic Growth. *NPRC Journal of Multidisciplinary Research*, 2(8), 116–125. <https://doi.org/10.3126/NPRCJMR.V2I8.83838>
- Carkovic, M., & Levine, R. (2005). *Does Foreign Direct Investment Accelerate Economic Growth?* (pp. 195–220). In: T. H. Moran, E. M. Graham and M. Blomstrom, Eds. Institute for International Economics and Center for Global Development, Washington DC. http://www.iie.com/publications/chapters_preview/3810/08iie3810.pdf
- Coe, D. T., Helpman, E., & Hoffmaister, A. W. (2009). International R&D spillovers and institutions. *European Economic Review*, 53(7), 723–741. <https://doi.org/10.1016/j.eurocorev.2009.02.005>
- Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh. (2025). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2025 (Số 252/BC-CCTK). <https://thongkehochiminh.gso.gov.vn/TTKTXH/TTKTXH>
- Easterly, W., King, R. G., Levine, R., & Rebelo, S. (1994). *Policy, technology adoption, and growth* (Working Paper No. 4681). Cambridge, MA: National Bureau of Economic Research. <https://doi.org/10.3386/W4681>
- Fan, K., & Nie, G. (2013). Study on China's Import and Export Growth Rate Based on VAR Model. In: Yang, Y., Ma, M. (eds) *Proceedings of the 2nd International Conference on Green Communications and Networks 2012* (GCN 2012): Volume 2. Lecture Notes in Electrical Engineering, vol 224. Springer, Berlin, Heidelberg. https://doi.org/10.1007/978-3-642-35567-7_36
- Findlay, R. (1978). Some aspects of technology transfer and direct foreign investment. *The American Economic Review*, 68(2), 275–279. <https://www.jstor.org/stable/1816704>
- Ghirmay, T., Grabowski, R., & Sharma, S. C. (2001). Exports, investment, efficiency and economic growth in LDC: An empirical investigation. *Applied Economics*, 33(6), 689–700. <https://doi.org/10.1080/00036840122027>
- Grossman, G. M., & Helpman, E. (1991). *Innovation and growth in the global economy*. Cambridge, MA: MIT Press.
- Helpman, E., & Krugman, P. (1985). *Market Structure and Foreign Trade: Increasing Returns, Imperfect Competition, and the International Economy*. MIT press.
- Herzer, D., & Klasen, S. (2008). In search of FDI-led growth in developing countries: The way forward. *Economic Modelling*, 25(5), 793–810. <https://doi.org/10.1016/j.econmod.2007.11.005>
- Islam, M. S. (2021). Is the Trade-led Growth Hypothesis Valid for the Kingdom of Saudi Arabia? Evidence from an ARDL Approach. *Fudan Journal of the Humanities and Social Sciences*, 14(3), 445–463. <https://doi.org/10.1007/s40647-021-00314-w>
- Jin, J. C. (2002). Exports and growth: is the export-led growth hypothesis valid for provincial economies?. *Applied economics*, 34(1), 63–76. <https://doi.org/10.1080/00036840010025632>
- Lawrence, R. Z., Weinstein, D. E., Lawrence, R., & Weinstein, D. (1999). *Trade and Growth: Import-Led or Export-Led? Evidence From Japan and Korea*. <https://doi.org/10.3386/W7264>
- Leamer, E. E. (1995, January). *The Heckscher-Ohlin model in theory and practice* (Princeton Studies in International Finance No. 77). Princeton University, International Finance Section. <https://ies.princeton.edu/pdf/S77.pdf>
- Lucas Jr, R. E. (1988). On the mechanics of economic development. *Journal of Monetary Economics*, 22(1), 3–42. [https://doi.org/10.1016/0304-3932\(88\)90168-7](https://doi.org/10.1016/0304-3932(88)90168-7)
- Lê Quân. (2025). *Vốn FDI vào TP.HCM “bùng nổ” sau sáp nhập*. Truy cập tại: <https://baodautu.vn/von-fdi-vao-tp-hcm-bung-no-sau-sap-nhap-d366620.html>
- Magar, U. B. R. (2021). The trend analysis of foreign trade and economic growth of Nepal. *The Journal of Economic Concerns*, 12(1), 112–122. https://necs.org.np/wp-content/uploads/2022/03/08_The-Trend-Analysis-of-Foreign-Trade-and-Economic-Growth-of-Nepal.pdf
- Mazumdar, J. (2001). Imported machinery and growth in LDCs. *Journal of Development Economics*, 65(1), 209–224. [https://doi.org/10.1016/S0304-3878\(01\)00134-1](https://doi.org/10.1016/S0304-3878(01)00134-1)

Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài và hoạt động xuất nhập khẩu

đến tăng trưởng kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh

- Mogoe, S., & Mongale, I. P. (2014). The impact of international trade on economic growth in South Africa: An econometrics analysis. *Mediterranean Journal of Social Sciences*, 5(14), 60–66. <https://doi.org/10.5901/MJSS.2014.V5N14P60>
- Ngân hàng Thế giới. (1987). World development report 1987. Oxford University Press. <https://hdl.handle.net/10986/5970>
- Nguyễn Hồng Hà. (2016). Mối quan hệ giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh tế tỉnh Trà Vinh. *Phát Triển Và Hội Nhập*, 26(36), 90–95. <https://user-cdn.uef.edu.vn/newsimg/tap-chi-uef/2016-01-02-26/14.pdf>
- Nguyễn Phúc Hiền, & Lê Thùy Linh. (2021). Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế: trường hợp nghiên cứu ở các nước ASEAN. *Tạp Chí Kinh Tế và Phát Triển*, 289, 55–64. <https://js.ktpt.edu.vn/index.php/jed/article/view/167>
- Nguyễn Xuân Hưng, Nguyễn Thị Phương Thuý, Nguyễn Thị Lan, Tăng Minh Hằng, & Nguyễn Thị Nhung. (2020). Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới tăng trưởng kinh tế tỉnh Bắc Ninh. *Tạp Chí Kinh Tế & Phát Triển*, 276, 79–92. <https://ktpt.neu.edu.vn/tap-chi/so-276/muc-luc-107/tac-dong-cua-dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-toi-tang-truong-kinh-te-tinh-bac-ninh.379274.aspx>
- Nguyen, T. K. N. (2017). The Long Run and Short Run Impacts of Foreign Direct Investment and Export on Economic Growth of Vietnam. *Asian Economic and Financial Review*, 7(5), 519–527. <https://doi.org/10.18488/JOURNAL.AEFR.2017.75.519.527>
- Nguyen, T. H. (2016). Impact of Export on Economic Growth in Vietnam: Empirical Research and Recommendations. *International Business and Management*, 13(3), 45–52. <https://doi.org/10.3968/9040>
- Phạm Thị Loan, Lê Thị Duyên, & Nguyễn Thị Hoài An. (2023). Mối quan hệ giữa vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh tế tỉnh Hưng Yên. *Tạp Chí Khoa Học Trường Đại Học Mở Hà Nội*, 110. <https://doi.org/10.59266/HOUJS.2023.336>
- Pistoresi, B., & Rinaldi, A. (2012). Exports, imports and growth: New evidence on Italy: 1863–2004. *Explorations in Economic History*, 49(2), 241–254. <https://doi.org/10.1016/J.EEH.2011.11.003>
- Rashid, M., Ansari, S., Khan, A., & Amir, M. (2023). The Impact of FDI and Export on Economic Growth in India: An Empirical Analysis. *Asian Journal of Economics, Finance and Management*, 9(2), 33–41. https://www.researchgate.net/profile/Shoaib-Ansari-2/publication/368845296_The_Impact_of_FDI_and_Export_on_Economic_Growth_in_India_An_Empirical_Analysis/links/63fd9f080cf1030a5659c11b/The-Impact-of-FDI-and-Export-on-Economic-Growth-in-India-An-Empirical-Analysis.pdf
- Ricardo, D. (1817). *The works and correspondence of David Ricardo* (P. Sraffa, Ed.; Vol. 1). Cambridge University Press. <https://competitionandappropriation.econ.ucla.edu/wp-content/uploads/sites/95/1970/01/Principles-of-Political-Economy-and-Taxation-1817.pdf>
- Romer, P. M. (1986). Increasing Returns and Long-Run Growth. *Journal of Political Economy*, 94(5), 1002–1037. <https://www.jstor.org/stable/1833190>
- Romer, P. M. (1994). The Origins of Endogenous Growth. *Journal of Economic Perspectives*, 8(1), 3–22. <https://doi.org/10.1257/JEP.8.1.3>
- Shahbaz, M., & Rahman, M. M. (2012). The Dynamic of Financial Development, Imports, Foreign Direct Investment and Economic Growth: Cointegration and Causality Analysis in Pakistan. *Global Business Review*, 13(2), 201–219. <https://doi.org/10.1177/097215091201300202>
- Shan, J., & Sun, F. (1998). On the export-led growth hypothesis: the econometric evidence from China. *Applied Economics*, 30(8), 1055–1065. <https://doi.org/10.1080/000368498325228>
- Smith, A. (1776). *An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations*. In Oxford University Press eBooks. <https://doi.org/10.1093/oseo/instance.00043218>
- Solow, R. M. (1956). A Contribution to the Theory of Economic Growth. *The Quarterly Journal of Economics*, 70(1), 65–94. <https://doi.org/10.2307/1884513>
- Todaro, M. P., & Smith, S. C. (2006). *Economic development*. Pearson Addison Wesley.
- Tổng cục Hải quan. (2025). Trị giá xuất, nhập khẩu chia theo tỉnh/thành phố – Tháng 6 năm 2025. Bộ Tài chính, Việt Nam. [https://files.customs.gov.vn/CustomsCMS/TONG_CUC/2025/9/17/2025-T03T-4\(VN-DC\).pdf](https://files.customs.gov.vn/CustomsCMS/TONG_CUC/2025/9/17/2025-T03T-4(VN-DC).pdf)
- Touray, A. (2025). *The Relationship between exports, imports, and economic growth* [Master's thesis, KDI School of Public Policy and Management]. KDI School Archives. <https://archives.kdischool.ac.kr/handle/11125/59319>
- Thirlwall, A. P. (2012). Balance of payments constrained growth models: History and overview. In E. Soukiazis & P. A. Cerqueira (Eds.), *Models of balance of payments constrained growth: History, theory and empirical evidence* (pp. 11–49). https://link.springer.com/chapter/10.1057/9781137023957_2
- Trương Thị Như Hà, & Nguyễn Thị Thu Trang. (2024). Nghiên cứu tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tới tăng trưởng kinh tế của Hải Phòng. *Tạp Chí Công Thương*, 4. <https://tapchicongthuong.vn/nghien-cuu-tac-dong-cua-dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-fdi-toi-tang-truong-kinh-te-cua-hai-phong-119798.htm>